**Bài 26.** PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

**I. KHÁI QUÁT**

****

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Diện tích hơn 44 nghìn km2 (chiếm 13,3% DT cả nước, năm 2021)

- Gồm 8 tỉnh, thành phố là:

+ Đà Nẵng là TP trực thuộc TƯ,

+ 7 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Tiếp giáp

+ Phía bắc: Bắc Trung Bộ (bộ phận lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ),

+ Phía tây: vùng Tây Nguyên, và nước láng giềng Lào.

+ Phía nam: vùng Đông Nam Bộ

+ Phía đông: có vùng biển rộng lớn với nhiều đảo và quần đảo có ý nghĩa quan trọng về kinh tế và quốc phòng an ninh như quần đảo Hoàng Sa (huyện đảo thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (huyện đảo thuộc tỉnh Khánh Hoà), đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), đảo Phú Quý (Bình Thuận),...

*(ANQP các đảo: là hệ thống tiền tiêu bảo vệ LT, việc khẳng định chủ quyền của nước ta với các đảo đồng thời khẳng định chủ quyền nước ta với vùng trời, vùng biển và TLĐ quang các đảo)*

*(KT: là cơ sở để nước ta tiến ra biển khai thác các nguồn lợi, PT các ngành KT biển,hình thành cơ cấu KT đa dạng, là nơi tránh trú an toàn tàu thuyền…)*

- Lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài

- Tất cả các tỉnh giáp biển

- Là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và một số quốc gia Đông Nam Á.

→Với đặc điểm vị trí địa lí như vậy, Duyên hải Nam Trung Bộ thuận lợi phát triển kinh tế theo *hướng mở và đẩy mạnh hoạt động giao thương kinh tế* với các quốc gia, các vùng kinh tế khác ở nước ta.

**2. Dân số**

- Số dân gần 9,4 triệu người (chiếm 9,6% số dân cả nước, năm 2021)

- Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,96%. (TB cả nước 0,93%)

- Mật độ dân số là 211 người/km2 (TB cả nước 297, năm 2021).

- Phân bố dân cư: vùng đồi núi phía tây thưa dân hơn vùng đồng bằng ven biển phía đông.

- Tỉ lệ dân thành thị chiếm hơn 40% tổng số dân (TB cả nước 37,1%, năm 2021).

- Thành phần dân tộc: là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như Kinh, Chăm, Co’ Tu, Hrê,...

CH: Dựa vào thông tin mục I và hình 26.1, hãy:

* Trình bày vị trí địa tí, phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.
* Nêu khái quát đặc điểm dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ.

II. THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIÊN

**1. Thế mạnh**

a) Điều kiện tự nhiên

**-** Tài nguyên biển là một nguồn lực vô cùng quan trọng, là một lợi thế lớn của Duyên hải Nam Trung Bộ, tạo động lực cho các ngành kinh tế biển phát triển mạnh theo hướng *phát triển tổng hợp*(vì: *Có thế mạnh PT các ngành KT biển, khai thác và SD hợp lí TN biển, đem lại hiệu quả cao, bảo vệ MT và PT bền vững)*

- ĐK PT thủy sản:

+ Khai thác:

→ *Đường bờ biển dài, điều kiện khí hậu thuận l*ợi đã tạo cho vùng có *nguồn hải sản phong phú*.

→ Có tổng *trữ lượng hải sản lớn, với nhiều hải sản có giá trị* như tôm he, tôm hùm, cá mú, cá ngừ, ngọc trai,,..

→ Các *ngư trường lớn* của vùng là: Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu,

 Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

+ Nuôi trồng:

 → Có nhiều *diện tích mặt nướ*c mặn, lợ và đầm phá (đầm Thị Nại, Bình Định),

 → *Nguồn thức ăn phong phú(tự nhiên từ đánh bắt thủy sản, chế biến)*, đa dạng tạo điều kiện thuận lợi để nuôi trổng thuỷ, hải sản nước lợ.

- ĐK PT GTVT biển:

 Đường *bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió(do núi ăn lăn sát biển)* như vịnh Dung Quất, Quy Nhơn, Vân Phong, Cam Ranh,... thích hợp xây dựng cảng biển nước sâu, phát triển giao thông vận tải biển.

- ĐK PT khai thác khoáng sản: Vùng biển và thềm lục địa Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng về:

 + Dầu khí (phía đông quần đảo Phú Quý-Bình Thuận),

 + Dọc ven biển có tiềm năng để sản xuất *muối (thuận lợi nhất vì nắng nhiều, mưa ít, không có nhiều sông lớn đổ ra biển)*, như: đồng muối Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).Cà Ná (Ninh thuận)

 + Khai thác ti-tan, cát thuỷ tinh(Khánh Hòa),...

- ĐK PT du lịch:

 + Có nhiều *bãi tắm đẹp* như Mỹ Khê, Đại Lãnh, Nha Trang, Mũi Né,...

 + Các *bán đảo* có cảnh quan phong phú như bán đảo Sơn Trà(ĐN), bán đảo Hòn Gốm,...

 Các đảo: Cù lao Chàm(QN), Lí Sơn(QNg), Phú Quí(BT), Côn Đảo(BR-VT)…thuận lợi để phát triển du lịch biển.

b. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Dân cư – lao động: Người dân có nhiều *kinh nghiệm* trong các hoạt động kinh tế biển, đặc biệt là trong khai thác, nuôi trồng thuỷ sản và nghề làm muối.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật *ngày càng* đồng bộ và hoàn thiện.

- Vùng có nhiều *chính sách* thúc đẩy phát triển kinh tế biển như: cho vay vốn ưu đãi, hỗ trợ phương tiện sản xuất cho ngư dân,…

**2. Hạn chê**

* Các *thiên tai* như bão, lũ, hạn hán,... làm ảnh hưởng đến phát triển các ngành kinh tế biển.
* Vấn đề *ô nhiễm môi trường* biển, suy giảm tài nguyên biển là thách thức cho phát triển kinh tế biển.
* Hệ thống *cơ sở hạ tầng* ở một số khu vực còn hạn chế.

III. CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN

**1. Khai thác tài nguyên sinh vật biển**(Khai thác và nuôi trồng hải sản)

Giá trị sản xuất ngành thuỷ sản năm 2021 đóng góp 6,5% vào GRDP của Duyên hải Nam Trung Bộ (năm 2021).

- Khai thác hải sản:

+ Sản lượng hải sản khai thác tăng nhanh, chiếm gần 90% tổng sản lượng hải sản của Duyên hải Nam Trung Bộ,

→ Chủ yếu là khai thác cá biển *(năm 2021, sản lượng khai thác cá biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là 996 nghìn tấn),*

→ Đặc biệt khai thác *cá ngừ đại dương* đã tạo nên sản phẩm xuất khẩu chủ lực cho một số địa phương.

+ Các tỉnh có hoạt động khai thác hải sản phát triển nhất là Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi, Ninh Thuận,...

+ Hướng khai thác: đẩy mạnh khai thác xa bờ,

 đầu tư tàu khai thác công suất lớn,

 trang thiết bị hiện đại để tàu đi được dài ngày và đảm bảo chất lượng hải sản đánh bắt*. (Năm 2021, số tàu khai thác hải sản có công suất từ 90 cv trở lên đạt 14 750 tàu).*

*-* Nuôi trồng hải sản:

+ Diện tích và sản lượng hải sản nuôi trổng chiếm tỉ trọng *không nhiều(chỉ chiếm 10% giá trị SL hải sản)*, nhưng tập trung vào những loại hải sản có *giá trị kinh tế cao* như: tôm hùm, đồi mồi, trai lấy ngọc, rong biển,....,

+ Các địa phương nuôi trồng hải sản nhiều nhất là Khánh Hoà, Phú Yên.

+ Hướng nuôi trồng: đẩy mạnh theo hướng áp dụng *công nghệ cao, nuôi trồng bền vững* góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

**2. Giao thông vận tải biển**

- Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điểu kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển,

- Nơi đây đã hình thành nhiều cảng biển loại I, II, III và bến cảng nước sâu.

+ Các cảng biển loại I là Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà;

+ Các bến cảng nước sâu gồm Dung Quất (Quảng Ngãi), Kỳ Hà (Quảng Nam), Nhơn Hội (Bình Định), Vân Phong (Khánh Hoà),...

- Cảng Đà Nẵng trong tương lai sẽ trở thành cảng cửa ngõ quốc tế, đầu mối giao thông quan trọng của Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Cảng Vân Phong được quy hoạch thành cảng trung chuyển quốc tế lớn trong khu vực.

**3. Du lịch biển**

- Đây là thế mạnh nổi trội của vùng.

- Các loại hình du lịch biển được chú trọng phát triển là:

 + Du lịch nghỉ dưỡng biển,

 + Khám phá tự nhiên (rạn san hô, cảnh quan biển đảo,...),

 + Lễ hội biển,...

- Các cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí ngày càng hiện đại.

- Hướng phát triển:

 + Đang phát triển theo hướng xây dựng các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng *đạt tiêu chuẩn quốc tế,*

 + Hướng tới phát triển *du lịch bền vững*.

**-** Đà Nẵng, Nha Trang (Khánh Hoà), Quy Nhơn (Bình Định),... là những trung tâm du lịch biển lớn của cả nước, hằng năm thu hút hàng chục triệu lượt khách du lịch trong nước và quốc tế.

**4. Khai thác khoáng sản biển**

**-** Việc khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên được tiến hành ở khu vực quần đảo Phú Quý. (*Duyên hải Nam Trung Bộ đâ xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên ở nước ta là nhà máy lọc dầu Dung Quất ở Quảng Ngãi với công suất 6,5 triệu tấn/năm, đã đáp ứng 30% nhu cẩu xăng, dầu của cả nước).*

**-** Khai thác khoáng sản:

 + Ti-tan, cát thuỷ tinh được phát triển ở một số khu vực ven biển các tỉnh Bình Định, Khánh Hoà,... + Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất VLXD, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

**-** Phát triển nghề làm muối: Đây là khu vực có những cánh đồng muối lớn nhất nước ta như: Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Ninh Thuận).

**-** Phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi.(thuận lợi nhất)

 + Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam (Ninh Thuận),

 + Nhà máy điện gió Phong Điện 1 (Bình Thuận),...

IV. HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ tập trung vào các hướng sau đây:

* Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển *kết hợp với bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển, (nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới),...*
* Mở rộng và xây dựng trung tâm *lọc, hoá dầu và năng lượng* quốc gia tại khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm *năng lượng tái tạo lớn*, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi.
* Phân bố *không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế* ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối với Tây Nguyên.
* Nghiên cứu *cơ chế, chính sách* phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển.
* Phát triển các *trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng an ninh*. Phát triển Duyên hải Nam Trung Bộ trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển,...

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**1. Nhận biết**

**Câu 1.** Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

**A.** Kinh tế biển. **B.** Sản xuất lương thực.

**C.** Thủy điện. **D.** Khai thác khoáng sản.

**Câu 2.** Khu du lịch biển đảo Sơn Trà thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Đà Nẵng. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 3.** Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

**A.** có các ngư trường rộng lớn. **B.** tất cả các tỉnh đều giáp biển.

**C.** có nhiều vũng, vịnh, đầm phá. **D.** điều kiện hải văn thuận lợi.

**Câu 4.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. **B.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

**C.** liền kề với các ngư trường rộng lớn. **D.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

**Câu 5.** Dầu khí của Duyên hải Nam Trung Bộ được khai thác chủ yếu ở

**A.** Đà Nẵng. **B.** Quảng Nam. **C.** Bình Định. **D.** Bình Thuận.

**Câu 6.** Khu du lịch biển đảo Cù Lao Chàm thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Đà Nẵng. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 7.** Số lượng các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 10.

**Câu 8.** Khu du lịch biển đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Thuận. **B.** Ninh Thuận. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 9.** Từ Bắc vào Nam của vùng Duyên hải Nam Trung bắt đầu thành phố Đà Nẵng đến tỉnh

**A.** Bình Thuận. **B.** Ninh Thuận. **C.** Khánh Hòa. **D.** Bình Định.

**Câu 10.** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đang tiến hành khai thác các mỏ dầu khí ở đảo

**A.** Phú Quý. **B.** Lý Sơn. **C.** Tri Tôn. **D.** Phan Vinh.

**Câu 11.** Duyên hải Nam Trung Bộ đã hình thành một số vùng nuôi tôm thâm canh với quy mô lớn chủ yếu ở các tỉnh nào sau đây?

**A.** Đà Nẵng, Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi, Bình Định.

**C.** Phú Yên, Khánh Hòa. **D.** Ninh Thuận, Bình Thuận.

**Câu 12.** Trung tâm du lịch quan trọng nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** Nha Trang. **B.** Phan Thiết. **C.** Đà Nẵng. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 13.** Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. **B.** Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đã Nẵng.

**C.** Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng. **D.** Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

**Câu 14.** Các đồng muối nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** Thuận An, Văn Lý. **B.** Cà Ná, Sa Huỳnh.

**C.** Cà Ná, Văn Lý. **D.** Sa Huỳnh, Thuận An.

**Câu 15.** Khu du lịch biển đảo Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Bình Thuận. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 16.** Trong tương lai, cảng biển nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ là cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất cả nước?

**A.** Đà Nẵng. **B.** Dung Quất. **C.** Quy Nhơn. **D.** Vân Phong.

**Câu 17.** Khu du lịch biển đảo Nha Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hoà. **B.** Phú Yên. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 18.** Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

**A.** Nha Trang. **B.** Phan Thiết. **C.** Quy Nhơn. **D.** Phú Quốc.

**Câu 19.** Thế mạnh lớn nhất về tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tài nguyên khoáng sản. **B.** tài nguyên thủy điện.

**C.** tài nguyên biển. **D.** tài nguyên đất.

**Câu 20.** Khu du lịch biển đảo Mũi Né thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Đà Nẵng. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Thuận.

**Câu 21.** Phát biểu nào sau đây không đúng với Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** giáp Lào, Biển Đông, Đồng bằng sông Cửu Long.

**B.** nằm gần tuyến hàng hải quốc tế đi qua Biển Đông.

**C.** có hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo.

**D.** có vùng biển rộng lớn, bờ biển có nhiều vịnh sâu.

**Câu 22.** Các ngư trường lớn ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, vịnh Bắc Bộ.

**B.** Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang, vịnh Bắc Bộ.

**C.** Ninh Thuận - Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang.

**D.** Ninh Thuận - Bình Thuận, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

**2. Thông hiểu**

**Câu 1.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

**A.** Bờ biển dài, nhiều đầm phá. **B.** Các tỉnh/thành phố đều giáp biển.

**C.** Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió. **D.** Ít chịu ảnh hưởng của bão.

**Câu 2.** Thế mạnh để phát triển nuôi trồng thuỷ sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

**A.** các đảo ven bờ, các bãi biển đẹp. **B.** các vụng, vịnh, đầm phá và ao hồ.

**C.** vùng biển sâu, nhiều ngư trường. **D.** quần đảo, nhiều bãi cát ven biển.

**Câu 3.** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. **B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi. **D.** khai thác, nuôi trồng kết hợp chế biến.

**Câu 4.** Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải là

**A.** nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

**B.** tăng cường đánh bắt ở ven bờ, phòng chống thiên tai.

**C.** đảm bảo cân bằng, hài hoà giữa phát triển và bảo tồn.

**D.** kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với bảo vệ biển đảo.

**Câu 5.** Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng lên. **B.** Môi trường ô nhiễm, chất lượng nước kém.

**C.** Nguồn vốn đầu tư nhỏ, kĩ thuật ít cải tiến. **D.** Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh.

**Câu 6.** Mục đích chủ yếu của việc phát triển giao thông vận tải biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tăng vai trò trung chuyển, phân bố lại dân cư. **B.** mở rộng giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội.

**C.** tạo thế mở cửa, thúc đẩy phân công lao động. **D.** thúc đẩy phát triển công nghiệp và đô thị hoá.

**Câu 7.** Thế mạnh chủ yếu của Duyên hải Nam Trung Bộ về đánh bắt hải sản là

**A.** có các ngư trường trọng điểm, giàu có sinh vật. **B.** lao động có nhiều kinh nghiệm đánh bắt xa bờ.

**C.** bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh, đầm phá. **D.** giáp với thị trường tiêu thụ lớn là Đông Nam Bộ.

**Câu 8.** Thế mạnh để phát triển du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

**A.** quần đảo, nhiều bãi cát ven biển. **B.** các đảo ven bờ, các bãi biển đẹp.

**C.** vùng biển sâu, nhiều ngư trường. **D.** các vụng, vịnh, cửa sông, ao hồ.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh dân số Duyên hải Nam Trung Bộ với Bắc Trung Bộ?

**A.** Quy mô dân số lớn hơn. **B.** Mật độ dân số cao hơn.

**C.** Tỉ lệ dân thành thị cao hơn. **D.** Tỉ lệ dân nông thôn cao hơn.

**Câu 10.** Điều kiện thuận lợi đối với nuôi tôm ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** có nhiều vũng, vịnh, đầm phá, cửa sông. **B.** mật độ sông ngòi cao, có nhiều hồ nước.

**C.** dân cư đông đúc, có nhiều kinh nghiệm. **D.** hoạt động chế biến và dịch vụ phát triển.

**Câu 11.** Biện pháp quan trọng nhất đối với ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. **B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi. **D.** phát triển nuôi trồng,đẩy mạnh chế biến.

**Câu 12.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** bờ biển dài, biển nóng ẩm quanh năm; nhiều lao động.

**B.** khí hậu ổn định, ít ảnh hưởng của bão; phương tiện tốt.

**C.** vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn; phương tiện tốt.

**D.** nhiều vũng, vịnh, thuỷ sản phong phú; nhiều lao động.

**Câu 13.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đường bờ biển kéo dài, vùng biển rộng lớn, nhiều cửa sông.

**B.** nhiều khu kinh tế ven biển được thành lập, thu hút vốn tăng.

**C.** hệ thống cảng được mở rộng, nâng cấp, xây thêm cảng mới.

**D.** có nhiều vũng, vịnh sâu, nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế.

**Câu 14.** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nghề cá, du lịch biển, giao thông vận tải, khai khoáng.

**B.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

**C.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**D.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

**Câu 15.** Cảng nước sâu Dung Quất ở Quảng Ngãi gắn liền với

**A.** nhà máy lọc dầu. **B.** nhà máy sản xuất xi măng.

**C.** nhà máy đóng tàu biển. **D.** nhà máy chế biến thực phẩm.

**Câu 16.** Ngành kinh tế nào sau đây có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển ở Duyên hài Nam Trung Bộ?

**A.** Trồng trọt. **B.** Chăn nuôi. **C.** Thủy sản. **D.** Khai khoáng.

**Câu 17.** Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững ngành thuỷ sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** hiện đại hoá phương tiện, thiết bị đánh bắt. **B.** khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ nguồn lợi.

**C.** tăng cường đầu tư nuôi trồng nước mặn, lợ. **D.** chú trọng phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

**Câu 18.** Du lịch biển của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

**A.** phát triển cơ sở hạ tầng, tài nguyên đa dạng. **B.** tạo ra sản phẩm đa dạng, phát triển nhân lực.

**C.** nhiều tài nguyên giá trị cao, đổi mới quản lí. **D.** có di sản thế giới, nhiều dịch vụ khác nhau.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây không đúng về điều kiện kinh tế - xã hội của Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Có quy mô dân số lớn, nguồn lao động khá dồi dào.**B.** Lao động cần cù, trình độ ngày càng được nâng cao.

**C.** Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật ngày càng hiện đại.**D.** Tỉ lệ dân thành thị thấp, quá trình đô thị hoá chậm.

**Câu 20.** Nguồn lao động ở Duyên hải Nam Trung Bộ

**A.** khá dồi dào, trình độ ngày càng được nâng cao. **B.** hầu hết tập trung hoạt động ở vùng nông thôn.

**C.** phần lớn làm việc ở khu vực đầu tư nước ngoài. **D.** hàng năm tăng thêm khoảng một triệu người.

**Câu 21.** Phát biểu nào sau đây không thể hiện ý nghĩa của sự phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ đối với an ninh quốc phòng?

**A.** nâng cao vị thế trong đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển.

**B.** cơ sở khẳng định chủ quyền biển đảo và bảo vệ lãnh thổ.

**C.** làm nền tảng trong việc phát triển an ninh và quốc phòng.

**D.** nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác tài nguyên biển đảo.

**Câu 22.** Khó khăn chủ yếu của việc đánh bắt hải sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** phương tiện đánh bắt còn hạn chế, dịch vụ nghề cá còn chưa mạnh.

**B.** lao động đánh bắt ít được bổ sung, cơ sở hậu cần phục vụ còn yếu.

**C.** trong năm xảy ra nhiều thiên tai, môi trường nhiều nơi bị ô nhiễm.

**D.** công nghiệp chế biến còn hạn chế, các cơ sở chế biến khác nhỏ lẻ.

**3. Vận dụng**

**Câu 1.** Điều kiện thuận lợi để sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải là

**A.** không có các hệ thống sông ngòi lớn. **B.** địa hình bờ biển có nhiều vũng vịnh.

**C.** số giờ nắng và gió trong năm nhiều. **D.** người dân có kinh nghiệm từ lâu đời.

**Câu 2.** Thế mạnh nổi bật của Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển giao thông vận tải biển so với Bắc Trung Bộ là

**A.** nhiều vũng, vịnh nước sâu và gần tuyến hàng hải quốc tế.

**B.** có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng tổng hợp.

**C.** có nhiều đảo thuận lợi cho các tàu thuyền neo đậu, trú ẩn.

**D.** vùng biển ít chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa Đông Bắc.

**Câu 3.** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tăng cường thu hút nguồn đầu tư, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.

**B.** giải quyết việc làm cho lao động, góp phần phân bố lại dân cư.

**C.** mở rộng các đô thị, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

**D.** tăng cường kết cấu hạ tầng, làm thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

**Câu 4.** Thuận lợi chủ yếu về điều kiện kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ đối với phát triển du lịch là

**A.** quy mô dân số lớn, lao động dồi dào, cần cù và chịu khó.

**B.** có nhiều nét đặc sắc về văn hoá, và truyền thống sản xuất.

**C.** tỉ lệ dân thành thị cao và quá trình công nghiệp hoá nhanh.

**D.** cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật ngày càng hiện đại.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây không đúng với giao thông vận tải biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Giữ vai trò quan trọng, tạo ra các quan hệ kinh tế trong và ngoài nước.

**B.** Có nhiều cảng biển được xây dựng, một số cảng có vai trò quan trọng.

**C.** Đã hình thành được nhiều cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất cả nước.

**D.** Khối lượng hàng hoá vận chuyển, hàng hoá luân chuyển ở đây khá lớn.

**Câu 6.** Các trung tâm kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ phân bố thành dải dọc ven biển chủ yếu là do

**A.** nhiều tài nguyên thiên nhiên, giao thông thuận lợi.**B.** cơ sở hạ tầng đảm bảo, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

**C.** dân cư và lao động đông đảo, vị trí địa lí thuận lợi.**D.** lịch sử khai thác từ lâu đời và thị trường rộng lớn.

**Câu 7.** So với các vùng lãnh thổ khác của nước ta, Duyên hải Nam Trung Bộ có

**A.** nghề cá phát triển mạnh và toàn diện nhất. **B.** tài nguyên du lịch phong phú đa dạng hơn.

**C.** nhiều địa điểm tốt để xây dựng các cảng biển. **D.** thuận lợi hơn để phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**Câu 8.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho dịch vụ hàng hải ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nhanh trong thời gian gần đây?

**A.** Gần đường hàng hải quốc tế. **B.** Kinh tế tăng trưởng nhanh.

**C.** Nhiều vụng biển sâu, kín gió. **D.** Chất lượng lao động nâng lên.

**Câu 9.** Hoạt động du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ có thể diễn ra thuận lợi quanh năm chủ yếu là do

**A.** sản phẩm du lịch đa dạng, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**B.** cơ sở vật chất kĩ thuật được đầu tư, mạng lưới giao thông phát triển.

**C.** nhu cầu thị trường tăng nhanh và chất lượng lao động được nâng lên.

**D.** có nhiều bãi biển đẹp, nhiều quần đảo, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

**Câu 10.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cảng biển nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ không phải là

**A.** nâng cao năng lực vận chuyển, mở rộng liên kết kinh tế.

**B.** khai thác thế mạnh của biển, phát triển kinh tế hàng hoá.

**C.** đẩy mạnh ngoại thương, tạo điều kiện hội nhập quốc tế.

**D.** đảm nhận vận tải hành khách, giải quyết thêm việc làm.

**Câu 11.** Vai trò to lớn của các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ đối với Tây Nguyên là

**A.** lối thông ra biển của các tỉnh ở Tây Nguyên. **B.** giúp cho Tây Nguyên lưu thông hàng hóa.

**C.** đưa hàng Tây Nguyên về Duyên hải N TBộ. **D.** gắn kinh tế Tây Nguyên với Duyên hải NTBộ.

**Câu 12.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển dịch vụ hàng hải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** có nhiều vịnh sâu xây cảng, hàng hoá có nhiều. **B.** nghề cá phát triển, vị trí kề đường biển quốc tế.

**C.** có nhiều cửa sông xây cảng, du lịch phát triển. **D.** mở rộng quan hệ với nước bạn, tăng xuất khẩu.

**Câu 13.** Điểm nổi bật của tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** lãnh thổ hẹp, nằm ở sườn Tây Trường Sơn, giáp biển.

**B.** lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam, vị trí đón gió.

**C.** lãnh thổ hẹp ngang, có mưa về thu đông và mùa khô kéo dài.

**D.** lãnh thổ hẹp, bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển.

**Câu 14.** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành. **B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

**C.** tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển. **D.** tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

**Câu 15.** Dải bờ biển Trung Bộ của nước ta thường xảy ra sạt lở chủ yếu do

**A.** thềm lục địa sâu, sóng biển lớn, biến đổi khí hậu.**B.** có nhiều bãi cát, ít rừng phòng hộ, cửa sông nhỏ.

**C.** ít rừng phòng hộ, thủy triều lên cao, mưa theo mùa.**D.** thềm lục địa sâu, cửa sông nhỏ, con người tác động.

**Câu 16.** Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu. **B.** hiện đại hóa ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.

**C.** mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá. **D.** tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư.

**Câu 17.** Phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Giải quyết việc làm, phát triển công nghiệp chế biến thủy sản.

**B.** Giải quyết vấn đề thực phẩm, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa.

**C.** Sử dụng hiệu quả lao động, nâng cao mức sống người dân.

**D.** Thu hút nguồn đầu tư, tận dụng diện tích mặt nước của vùng.

**Câu 18.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên.

**B.** bảo vệ chủ quyền biển đảo, tạo việc làm và tăng thêm thu nhập.

**C.** thu hút vốn đầu tư, hiện đại hóa được sản xuất và cơ sở hạ tầng.

**D.** khai thác tiềm năng, hạn chế thiên tai và hiện đại hóa sản xuất.

**Câu 19.** Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh về ngành giao thông vận tải đường biển chủ yếu là do

**A.** nằm gần tuyến hàng hải quốc tế, nhiều vụng, vịnh kín gió.

**B.** nhiều vụng, vịnh kín gió, hoạt động nội thương phát triển.

**C.** có nhiều ngư trường trọng điểm, đảo nằm ven bờ, đầm phá.

**D.** có đường bờ biển dài, ít cửa sông đổ ra biển và vụng, vịnh.

**Câu 20.** Điều kiện thuận lợi để Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nuôi trồng thủy sản là

**A.** có nhiều ngư trường trọng điểm. **B.** vùng biển rộng, nhiều thủy sản.

**C.** ven biển có các vụng, đầm phá. **D.** tỉnh nào cũng có bãi cá, bài tôm.

**Câu 21.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Có nhiều vịnh biển sâu kín gió, hàng năm ít bị bồi lắng phù sa.

**B.** Đường bờ biển kéo dài, có nhiều cửa sông lớn, nhiều bãi triều.

**C.** Có nhiều đảo ven bở, nhiều vùng, vịnh nước sâu, có đầm phá.

**D.** Tất cả các tỉnh đểu giáp biển, đường bờ biển kéo dài, có sông.

**Câu 22.** Biện pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề thực phẩm cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** phát triển ngành chăn nuôi gia súc. **B.** tăng cường nhập khẩu thực phẩm.

**C.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến hải sản. **D.** đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng thủy sản.

**Câu 23.** Dịch vụ hàng hải ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

**A.** bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

**B.** các tỉnh đều giáp biển, đô thị lớn ở ven biển, hạ tầng hoàn thiện.

**C.** kinh tế phát triển, mức sống cải thiện, hội nhập quốc tế sâu rộng.

**D.** công nghiệp phát triển, lao động đông đảo, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**Câu 24.** Hoạt động nào sau đây tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa nhất cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Chăn nuôi trâu bò và gia cầm. **B.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**C.** Đẩy mạnh thâm canh lúa nước. **D.** Trồng, chế biến các loại rau quả.

**Câu 25.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

**B.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

**C.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

**D.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Phát triển sớm và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

**B.** Giá trị sản xuất và sản lượng liên tục tăng, nhất là cá biển.

**C.** Một số loài cá biển có giá trị kinh tế cao trong xuất khẩu.

**D.** Việc chế biến và bảo quản hải sản đông lạnh rất hạn chế.

**Câu 27.** Biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

**B.** hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.

**C.** nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.

**D.** thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

**Câu 28.** Nghề làm muối phát triển mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu do

**A.** ngư dân có nhiều kinh nghiệm làm muối. **B.** độ muối của biển cao hơn các vùng khác.

**C.** Nhiều nắng, ít mưa và có ít cửa sông lớn. **D.** được Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều.

**Câu 29.** Phát biểu nào sau đây không đúng với Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Tất cả tỉnh/thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**B.** Dân số khá đông, nguồn lao động khá dồi dào, chịu khó.

**C.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật ngày càng hiện đại.

**D.** Tỉ lệ dân đô thị cao, đô thị hoá và công nghiệp hoá nhanh.

**Câu 30.** Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách du lịch quốc tế đến với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch, bảo vệ môi trường.

**B.** bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng các loại hình du lịch.

**C.** phát triển đa dạng các loại hình du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

**D.** đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch.

**Câu 31.** Phát biểu nào sau đây không đúng với Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Có nhiều dân tộc, có lịch sử hình thành lãnh thổ lâu đời.

**B.** Có nhiều nét đặc sắc về văn hoá và truyền thống sản xuất.

**C.** Có nhiều tài nguyên du lịch văn hoá của vùng biển, đảo.

**D.** Giao thông vận tải biển phát triển chậm do nhiều thiên tai.

**II. DẠNG ĐÚNG/SAI**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Duyên hải Nam Trung Bộ là một bộ phận lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; giáp với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên; giáp với nước láng giềng Lào và Biển Đông rộng lớn. Lãnh thổ nằm gần tuyến hàng hải quốc tế, tạo cho Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển các ngành kinh tế biển.

 **a)** Kinh tế biển là tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

 **b)** Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản do có nhiều ngư trường lớn. (Đúng)

 **c)** Điều kiện chủ yếu giúp Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là vùng biển rất ít khi có bão. (Sai)

 **d)** Khó khăn chủ yếu tác động đến ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là chịu ảnh hưởng lớn của áp thấp nhiệt đới, gió mùa Đông Bắc. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ là một khu vực ven biển của Việt Nam với nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú. Vùng này có diện tích biển rộng lớn và nhiều ngư trường quan trọng. Bờ biển dài với nhiều vịnh sâu như Vân Phong, Cam Ranh và Đà Nẵng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cảng biển và du lịch. Các bãi biển nổi tiếng như Nha Trang, Mũi Né, Non Nước và Mỹ Khê thu hút nhiều du khách. Khu vực này cũng có nhiều khu dự trữ sinh quyển và tài nguyên khoáng sản quý giá. Những yếu tố này tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển đa dạng của các ngành kinh tế biển trong vùng.

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ là khu vực ven biển có nhiều bãi biển nổi tiếng như Nha Trang và Mũi Né. (Đúng)

**b)** Các vịnh sâu như Vân Phong, Cam Ranh và Đà Nẵng ở Duyên hải Nam Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu cho phát triển du lịch. (Sai)

**c)** Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển đa dạng. (Đúng)

**d)** Sự phát triển của các ngành kinh tế biển tại Duyên hải Nam Trung Bộ phụ thuộc vào khả năng bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên trong khu vực này. (Đúng)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Duyên hải Nam Trung Bộ có vùng biển rộng, với nguồn lợi thủy sản phong phú; có nhiều bãi cá, bãi tôm và ngư trường lớn (Ninh Thuận - Bình Thuận, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa ); hệ sinh thái vùng biển, đảo đa dạng; nhiều vũng, vịnh, đầm phá. Đây là tiềm năng lớn cho phát triển thủy sản với các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng.

 **a)** Thế mạnh lớn nhất về tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là tài nguyên biển. (Đúng)

 **b)** Vấn đề quan trọng trong ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là khai thác hợp lí, bảo vệ nguồn lợi. (Đúng)

 **c)** Hoạt động sản xuất thủy sản có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

 **d)** Để nâng cao hiệu quả kinh tế ngành thủy sản, Duyên hải Nam Trung Bộ cần khai thác, nuôi trồng kết hợp với chế biến và mở rộng thị trường. (Đúng)

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế; đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió; bờ biển có các bãi tắm đẹp, khí hậu thuận lợi; vùng biển có các ngư trường trọng điểm. Vùng biển và thềm lục địa có tiềm năng để phát triển công nghiệp khai thác dầu khí. Ven biển có nhiều điều kiện thuận lợi để sản xuất muối, khai thác cát thuỷ tinh và ôxit ti tan.

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện để phát triển tổng hơp kinh tế biển. (Đúng)

**b)** Vùng biển và thềm lục địa Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng về dầu khí lớn lớn nhất nước ta. (Sai)

**c)** Các ngư trường lớn ở Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thuận lợi để nuôi trồng thủy sản. (Sai)

**d)** Vấn đề ô nhiễm môi trường biển, suy giảm tài nguyên biển là thách thức lớn cho phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Tài nguyên biển là một lợi thế lớn của Duyên hải Nam Trung Bộ. Đường bờ biển dài, điều kiện khí hậu thuận lợi đã tạo cho vùng có nguồn hải sản phong phú. Vùng có tổng trữ lượng hải sản lớn, với nhiều hải sản có giá trị như tôm he, tôm hùm, cá mú, cá ngừ, ngọc trai,,..

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện nuôi nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao. (Đúng)

**b)** Biện pháp nâng cao giá trị thủy sản nuôi trồng nước mặn của Duyên hải Nam Trung Bộ là mở rộng diện tích, đa dạng sản phẩm. (Sai)

**c)** Biện pháp để đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tăng cường tàu thuyển, phương tiện hiện đại. (Đúng)

**d)** Sản xuất thủy sản có ý nghĩa quan trọng với Duyên hải Nam Trung Bộ trong việc tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm. (Đúng)

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Duyên hải Nam Trung Bộ,**

**giai đoạn 2010 - 2023**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** | **2023** |
| Khai thác | 707,1 | 1167,9 | 1219,5 |
| Nuôi trồng | 80,8 | 101,3 | 109,6 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê 2024)*

**a)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm. (Sai)

**b)** Sản lượng thủy sản khai thác tăng và cao hơn sản lượng hải sản nuôi trồng. (Đúng)

**c)** Sự thay đổi sản lượng thủy sản nuôi trồng là do có nhiều ngư trường trọng điểm lớn, nguồn lợi hải sản phong phú. (Sai)

**d)** Sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu công suất lớn với trang thiết bị hiện đại. (Đúng)

**III. TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| Đồng bằng sông Hồng | 970,3 | 6020,4 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 662,2 | 3426,5 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 1198,7 | 7200,2 |
| Tây Nguyên | 250,2 | 1466,3 |
| Đông Nam Bộ | 258,9 | 1411,8 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3898,6 | 24327,3 |

Tính năng suất lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)*

**Trả lời**

**Đáp án: 7200,2 : 1198,7 = 6,006674 tấn/ha ≈ 60 tạ/ha**

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Sản lượng hải sản khai thác | 707,1 | 913,6 | 1 144,8 | 1 167,9 |
| Trong đó: Cá biển | 516,9 | 721,9 | 940,4 | 966,0 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, năm 2022)*

Sản lượng cá biển so với sản lượng hải sản khai thác năm 2021 chiếm bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (966,0 : 1167,9) x 100 ≈ 82,7**

**Câu 3. Cho bảng số liệu:**

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Sản lượng hải sản khai thác | 707,1 | 913,6 | 1 144,8 | 1 167,9 |
| Trong đó: Cá biển | 516,9 | 721,9 | 940,4 | 966,0 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, năm 2022)*

Sản lượng cá biển khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (966,0 - 516,9) : 516,9 x 100 ≈ 86,9**

**Câu 4.** Duyên hải Nam Trung Bộ có số dân 9,4 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số ở mức 0,96% (năm 2021). Tính số dân tăng thêm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của triệu người)*

**Trả lời**

**Đáp án: (0,96 x 9,4) : 100 ≈ 0,09**

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Sản lượng hải sản khai thác  | 707,1 | 913,6 | 1144,8 | 1167,9 |

 *(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2021, 2022)*

Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021 (coi năm 2010 = 100%). *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (1167,9 : 707,1) x 100 ≈ 165**

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| Đồng bằng sông Hồng | 970,3 | 6020,4 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 662,2 | 3426,5 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 1198,7 | 7200,2 |
| Tây Nguyên | 250,2 | 1466,3 |
| Đông Nam Bộ | 258,9 | 1411,8 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3898,6 | 24327,3 |

Sản lượng lúa của Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ cao hơn của Trung du và miền núi Bắc Bộ bao nhiêu lần?*(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)*

**Trả lời**

**Đáp án: 7200,2 : 3426,5 ≈ 2,1**

**Câu 7.** Năm 2021, Duyên hải Nam Trung Bộ có diện tích 45 nghìn km2, dân số 9,4 triệu người. Tính mật độ dân số của vùng năm 2021.

**Trả lời**

**Đáp án: 9400 : 45 ≈ 209**

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2023**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2023** |
| Sản lượng hải sản khai thác | 707,1 | 913,6 | 1144,8 | 1219,5 |

*(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2023)*

Cho biết sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2023 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (1219,5 - 707,1) : 707,1 x 100 ≈ 72,5**

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Sản lượng hải sản khai thác  | 707,1 | 913,6 | 1144,8 | 1167,9 |

 *(Nguồn Tổng cục Thống kê năm 2021, 2022)*

Cho biết sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021 tăng gấp bao nhiêu lần *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)*

**Trả lời**

**Đáp án: 1167,9 : 707,1 ≈ 1,7**